TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2019/HNGĐ – TLST ngày 07/3/2019 về " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐ - ST ngày 03/5/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh ngày 25/02/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 16, thôn A, xã T, huyện M,tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại : Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh ngày 15/12/1979.

Trú tại: Đội 16, thôn A, xã T, huyện M,tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Trần Thị V trình bầy: Chị và anh S tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã B, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 06/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chuyển khẩu về xã T, huyện M sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có con nhỏ, kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Năm 2016 chị sang Đài Loan làm việc, thời gian đầu

vợ chồng chồng thường xuyên liên lạc, sau đó do anh S nghi ngờ chị đi nước ngoài lao động không đàng hoàng, dẫn đến chị và anh S không nói chuyện bình thường được với nhau. Anh S cắt đứt liên lạc giữa chị và con. Khi về Việt Nam chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2011, hiện cháu đang ở với bố. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc, nên sau khi nộp đơn ly hôn chị đã quay lại Đài Loan làm việc. Chị ủy quyền cho chị Trần Thị Mỹ L là chị gái nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

- *Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ - Bị đơn anh Trần Văn S trình bầy*: Anh và chị V được tự do tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị V trình bày là đúng. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến ngày 01/3/2016 chị V đi lao động tại Đài Loan, 3 tháng đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó chị V gọi điện về nói vợ chồng sống ly thân, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị V chặn điện thoại và facebook của anh. Khoảng từ năm 2018 vợ chồng chấm dứt liên lạc. Tháng 2/2019 chị V về Việt Nam không về ở với bố con anh mà về gia đình mẹ đẻ sinh sống và tự ý làm thủ tục ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng nếu chị V kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung : Vợ chồng có 1 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2011. Hiện con đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con, còn nếu chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là quyền của chị V.

Về tài sản chung, nợ chung : Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Trần Thị Mỹ L là chị gái chị V. Chị L xác định sau khi nộp thủ tục ly hôn chị V đã quay lại Đài loan lao động, hiện không có mặt tại Việt Nam. Chị đồng ý nhận ủy quyền của chị V, sau khi nhận văn bản tố tụng chị đã thông báo cho chị V biết. Quan điểm của chị V vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, về con chung đồng ý để anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A, chị V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh S là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Do công việc, chị V anh S đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị V và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị V được ly hôn anh S; Về con chung: giao cháu Trần Tuấn A cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo công văn trả lời Cục xuất nhập cảnh số 5650/QLXNC-P5 ngày 05/4/2019 thể hiện chị Trần Thị V xuất cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 15/3/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Chị V có đơn xin ly hôn anh Trần Văn S tại Đội 16, thôn A, xã T, huyện M. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2].Về tố tụng: Trong quá trình gải quyết chị V, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị V, anh S.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị V và anh Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, Nam Định ngày 06/01/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn chị V đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Khoảng năm 2018 chị V và anh S chấm dứt liên lạc, tháng 2/2019 chị V về Việt Nam nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau. Nay chị V xác định tình cảm không còn, đề nghị được ly hôn anh S. Anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị V, nhưng nếu chị V kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có khả năng khắc phục tình cảm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2011 hiện đang ở với anh S. Ly hôn chị V đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, anh S có quan điểm xin được nuôi con. Xét thấy, hiện

tại chị V không có mặt tại Việt Nam. Cháu Tuấn A đang ở với bố, việc học tập và sinh hoạt của cháu được đảm bảo và ổn định. Bên cạnh đó cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Do vậy để ổn định cuộc sống cho cháu, cần tiếp tục giao cháu Tuấn A cho anh S nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Trần Thị V được ly hôn anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tuấn A, sinh ngày 23/6/2011 cho Trần Văn S nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh S là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006079 ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền